

THÔNG BÁO

Về việc đăng tải Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành đối với Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai

Ngày 25/02/2026 Sở Y tế nhận được hồ sơ công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: đường Giàng Chăn Hùng, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai (Số hồ sơ: H38.17-260225-180010).

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Sau khi ra soát hồ sơ công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Sở Y tế đăng tải Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai lên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định, với các thông tin sau:

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai.
- Giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh số: 000015/LCA-GPHĐ.
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: BSKKI. Hà Thị Hương.
- Địa chỉ hoạt động: đường Giàng Chăn Hùng, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại liên hệ: 0967 961 414.

2. Giám đốc/người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai triển khai hướng dẫn thực hành theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hồ sơ tự công bố của đơn vị.

Sở Y tế thông báo để cơ sở được biết và triển khai thực hiện theo quy định./.

(Hồ sơ công bố của đơn vị chi tiết đính kèm)

Nơi nhận:

- BGĐ Sở Y tế;
- Phòng TCCB;
- Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai;
- Các đơn vị y tế trực thuộc;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Công TTĐT Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bích Vân

Si Ma Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 101 /BCB-TTYTSMC

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai.

Số giấy phép hoạt động: 000015/LCA-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Địa chỉ: Đường Giàng Chăn Hùng, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs CKI Hà Thị Hương

Điện thoại liên hệ: 0967.961.414

Email (nếu có): ttytsimacai-syt@laocai.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y, Cấp cứu ngoại viện.

(Chi tiết tại phụ lục 1)

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

(Chi tiết tại phụ lục 2)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 260 người.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

a. Đối với người thực hành là nhân viên của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai: Không mất phí.

b. Đối với người thực hành không phải nhân viên của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai:

- Thực hành tại Khối Ngoại, Cận lâm sàng, Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc: 1.200.000 đồng/tháng;

- Thực hành tại Khối Nội và các phòng: 700.000 đồng/tháng.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có): Không.

Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Công bố số 253/VBCB-BVSMC ngày 14 tháng 8 năm 2025./.

GIÁM ĐỐC



Hà Thị Hương

Phụ lục 1

NỘI DUNG THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI NGƯỜI THỰC HÀNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC SI MA CAI

(Kèm theo Bản công bố số /BCB-TTYTSMC ngày 24/02/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai)

A. BÁC SỸ ĐA KHOA/Y KHOA

1. Thời gian thực hành:

- 12 tháng (50 tuần, tương đương 2.000 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

- Người có văn bằng bác sỹ y khoa/ đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y khoa;

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ có với phạm vi hành nghề đa khoa/y khoa hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa, trừ bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ răng hàm mặt;

- Có chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề và thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành:

TT	Nội dung thực hành	Khoa thực hành	Thời gian thực hành	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực -Chống độc	12 tuần	480	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh quy định đối với từng trường hợp:				

Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp/Truyền nhiễm	08 tuần	320	
Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa	08 tuần	320	
Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ sản	08 tuần	320	
Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	08 tuần	320	
Thực hành khám bệnh, chữa bệnh một số chuyên khoa khác	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	04 tuần	160	
Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo; Quy định; Quy chế bệnh viện; Luật Khám, chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	80	
Tổng:		50 tuần	2.000 tiết	

B. BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Thời gian:

- 12 tháng (50 tuần - Tương đương 2.000 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

- Người có văn bằng bác sỹ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y học cổ truyền;

- Người có văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ có phạm vi hành nghề y học cổ truyền
- Có chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề và thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	12 tuần	480 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	36 tuần	1.440 tiết	
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ... ; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	80 tiết	
Tổng:			50 tuần	2.000 tiết	

C. BÁC SỸ CHUYÊN KHOA

1. Đối tượng tham dự:

- Bác sỹ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.
- Bác sỹ có văn bằng chuyên khoa cấp I, văn bằng chuyên khoa cấp II, văn bằng bác sỹ nội trú, văn bằng thạc sỹ, văn bằng tiến sỹ.

2. Người hướng dẫn thực hành:

Bác sỹ có phạm vi hành nghề tương ứng và thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

3. Nội dung thực hành:

Thực hành tại chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ.

4. Thời gian thực hành:

- Đối với Bác sỹ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-CP chưa quá 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ: Đảm bảo tổng thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành đủ 18 tháng (xác định theo thời điểm bắt đầu đào tạo Chuyên khoa cơ bản).

- Đối với Bác sỹ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-CP nhưng quá 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ: Thực hành 12 tháng trong đó: 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu, 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tương ứng với chuyên khoa ghi trên chứng chỉ đào tạo.

- Đối với Bác sỹ có văn bằng chuyên khoa cấp I, văn bằng chuyên khoa cấp II, văn bằng bác sỹ nội trú, văn bằng thạc sỹ, văn bằng tiến sỹ **nhưng quá 24 tháng** kể từ ngày được cấp văn bằng: Thực hành **12 tháng** trong đó: 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu, 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tương ứng với chuyên khoa ghi trên chứng chỉ đào tạo.

D. Y SỸ ĐA KHOA

1. Thời gian:

- 09 tháng (38 tuần - Tương đương 1.520 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

Người có văn bằng chuyên môn là y sỹ đa khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Y sỹ có phạm vi hành nghề đa khoa hoặc bác sỹ có phạm vi hành nghề đa khoa/y khoa/chuyên khoa trừ bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ răng hàm mặt.

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	12 tuần	480 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh				
2.1	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp/ Khoa Truyền nhiễm	06 tuần	240 tiết	
2.2	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa	06 tuần	240 tiết	
2.3	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	06 tuần	240 tiết	
2.4	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh một số chuyên khoa khác	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	06 tuần	240 tiết	
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ...; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	80 tiết	
Tổng:			38 tuần	1.520 tiết	

E. Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Thời gian:

- 09 tháng (38 tuần - Tương đương 1.520 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

- Người có văn bằng tốt nghiệp Y sỹ y học cổ truyền.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền.

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	12 tuần	480 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	24 tuần	960 tiết	
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ...; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ	02 tuần	80 tiết	
Tổng:			38 tuần	1.520 tiết	

F. ĐIỀU DƯỠNG

1. Thời gian:

- 06 tháng (26 tuần - Tương đương 1.040 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

- Người có văn bằng tốt nghiệp điều dưỡng.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Điều dưỡng có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Khoa thực hành	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	04 tuần	160 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Khoa Nội tổng hợp/Khoa Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa/Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ sản/Khoa Nhi/Khoa Truyền nhiễm	20 tuần	800 tiết	
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ...; Quy định; quy chế bệnh viện; Luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	80 tiết	
Tổng			26 tuần	1.040 tiết	

G. HỘ SINH

1. Thời gian:

- 06 tháng (26 tuần - Tương đương 1.040 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

Người có văn bằng tốt nghiệp hộ sinh.

3. Người hướng dẫn thực hành:

Hộ sinh hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa phụ sản có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	04 tuần	160 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ Sản	20 tuần	720 tiết	
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo,...; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	160 tiết	
Tổng:			26 tuần	1.040 tiết	

H. KỸ THUẬT Y

1. Thời gian:

- 06 tháng (26 tuần - Tương đương 1.040 tiết học)

2. Đối tượng tham dự:

Người có văn bằng kỹ thuật hình ảnh y học/ kỹ thuật xét nghiệm y học/ kỹ thuật phục hồi chức năng/ kỹ thuật phục hình răng/ kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Đối với người có văn bằng kỹ thuật hình ảnh y học thì người hướng dẫn thực hành là kỹ thuật hình ảnh y học hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.

- Đối với người có văn bằng kỹ thuật xét nghiệm y học thì người hướng dẫn thực hành là kỹ thuật xét nghiệm y học hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa xét nghiệm.

- Đối với người có văn bằng kỹ thuật phục hồi chức năng thì người hướng dẫn thực hành là kỹ thuật phục hồi chức năng hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa phục hồi chức năng.

- Đối với người có văn bằng kỹ thuật phục hình răng thì người hướng dẫn thực hành là kỹ thuật phục hình răng hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề răng hàm mắt.

- Đối với người có văn bằng kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa thì người hướng dẫn thực hành là kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa mắt.

- Người hướng dẫn có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	04 tuần	160 tiết	
2.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể từng đối tượng				
2.1	Kỹ thuật hình ảnh y học	Khoa Xét nghiệm & Chẩn đoán hình ảnh	20 tuần	800 tiết	
2.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm & Chẩn đoán hình ảnh	20 tuần	800 tiết	
2.3	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền -	20 tuần	800 tiết	

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
		Phục hồi chức năng			
3.	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ...; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	160 tiết	
Tổng:			26 tuần	1.040 tiết	

I. CẤP CỨU VIÊN NGOẠI VIỆN

1. Thời gian:

- 06 tháng (26 tuần - Tương đương 1.040 tiết học)

2. Đối tượng tham dự: Người có văn bằng cấp cứu viên ngoại viện

3. Người hướng dẫn thực hành:

Cấp cứu viên ngoại viện hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa hồi sức cấp cứu có hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Khung thời gian thực hành

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
1.	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	12 tuần	480 tiết	
2	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh		12 tuần	480 tiết	

TT	Nội dung	Chuyên khoa	Thời lượng	Số tiết	Ghi chú
3	Kỹ năng thiết yếu cho nhân viên y tế: Kỹ năng giao tiếp; Làm việc nhóm; Nghiên cứu khoa học; Viết báo, ...; Quy định; quy chế bệnh viện; luật khám chữa bệnh. Ôn tập; Lượng giá, đánh giá	Phòng Tổ chức hành chính - Tài chính, kế toán/Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	02 tuần	80 tiết	
Tổng:			26 tuần	1.040 tiết	

*** ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH:**

Học viên đủ các tiêu chuẩn sau đây được Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành:

- Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian tham dự khóa học.
- Hoàn thành đầy đủ chỉ tiêu thực hành.
- Có báo cáo kết quả học tập được khoa/phòng xác nhận đạt từ khá trở lên./.

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: /BCB-TTYTSMC ngày 24/02/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Si Ma Cai)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số lượng người thực hành	Ghi chú
1	Hà Thị Hương	Bác sỹ CKI Phụ sản	001111/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Phụ sản.	5	
2	Giàng Seo Vân	Bác sỹ CKI Lao	003373/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Lao.	5	
3	Nguyễn Huy Hà	Bác sỹ CKI Nội	001108/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội	5	
4	Sùng Văn Vinh	Bác sỹ CKI Nội	003622/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội.	5	
5	Vũ Đình Chung	Bác sỹ Đa khoa	001857/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	5	
6	Đỗ Ánh Huyền	Bác sỹ CKI Nhi	003521/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nhi.	5	
7	Lý Minh Văn	Bác sỹ CKI Ngoại	001872/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Ngoại.	5	
8	Thần Mạnh Dương	Bác sỹ CKI Ngoại	003019/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Ngoại.	5	
9	Cư Seo Hòa	Bác sỹ đa khoa	001350/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	5	
10	Giàng Thị Say	Bác sỹ Y khoa	004026/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	5	
11	Nguyễn Anh Đức	Bác sỹ CKI Tai - Mũi - Họng	003620/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.	5	
12	Giàng A Sở	Bác sỹ Y khoa	001632/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	5	

13	Giàng A Sênh	Bác sỹ CKI Hồi sức cấp cứu	003053/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.	5	
14	Lâm Thị Trang	Bác sỹ CKI Nhi	002972/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nhi.	5	
15	Bàn Thị Nguyệt	Bác sỹ CKI Nội	003122/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội	5	
16	Nguyễn Đức Tranh	Bác sỹ YHCT	0003911/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	5	
17	Nguyễn Thị Lục	Bác sỹ CKI Hồi sức cấp cứu	003320/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	5	
18	Đặng Trọng Minh	Bác sỹ CKI Chẩn đoán hình ảnh	003078/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	5	
19	Lùng Thị Vinh	Bác sỹ Y khoa	004164/LCA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa.	5	
20	Nguyễn Thị Thanh Hải	ĐH ĐD Chuyên ngành Phụ sản	002662/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng III	5	
21	Đỗ Thị Như Quỳnh	Điều dưỡng ĐH	002658/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng III	5	
22	Vàng Ngọc Tuấn	Điều dưỡng ĐH	001100/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng III	5	
23	Hảng Seo Đế	Điều dưỡng ĐH	004076/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng III	5	
24	Vũ Văn Việt	Điều dưỡng ĐH	004015/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng III	5	
25	Trần Thị Thu Huyền	Điều dưỡng CĐ	001080/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
26	Giàng Thị Chanh	Điều dưỡng CĐ	001129/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
27	Trịnh Thị Phượng	Điều dưỡng CĐ	004402/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
28	Lê Văn Thuyết	Điều dưỡng CĐ	004401/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
29	Tải Thị Huệ	Điều dưỡng CĐ	002652/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
30	Lê Đức Tuấn	Điều dưỡng CĐ	000871/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	

31	Trịnh Thị Kim Hoa	Điều dưỡng CĐ	004399/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
32	Sùng Thị Sinh	Điều dưỡng CĐ	003626/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
33	Bùi Thị Vượng	Điều dưỡng CĐ	004375/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
34	Pờ Khái Phương	Điều dưỡng CĐ	002699/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
35	Vương Thị Thơm	Điều dưỡng ĐH	004359/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
36	Đoàn Thị Hương	Điều dưỡng CĐ	004355/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
37	Lò Thị Huyền	Điều dưỡng CĐ	004361/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
38	Sùng May	Điều dưỡng CĐ	002698/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
39	Phạm Thị Dinh	Điều dưỡng CĐ	000049/LCA-GPHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
40	Phạm Thành Long	Điều dưỡng ĐH	000150/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
41	Lê Tuấn Anh	Điều dưỡng CĐ	004315/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
42	Nguyễn Thị Ngân	Điều dưỡng ĐH	000869/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
43	Phạm Thị Phương Lan	Điều dưỡng CĐ	004379/LCA-CCHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
44	Lò Văn Cường	Điều dưỡng CĐ	000092/LCA-GPHN	Điều dưỡng hạng IV	5	
45	Ngải Thị Khánh Vân	KTV Xét nghiệm	000854/LCA-CCHN	KTV Xét nghiệm ĐH	5	
46	Bùi Thị Minh Dương	KTV Xét nghiệm	004316/LCA-CCHN	KTV Xét nghiệm CĐ	5	
47	Đặng Văn Chấn	KTV Xét nghiệm	004403/LCA-CCHN	KTV Xét nghiệm CĐ	5	
48	Nguyễn Đức Anh	KTV hình ảnh y học	003776/LCA-CCHN	KTV hình ảnh y học CĐ	5	
49	Giàng Hồng Phong	KTV PHCN	000100/LCA-CCHN	KTV Phục hồi chức năng CĐ	5	
50	Lù Thị Ngọc	Hộ sinh	003082/LCA-CCHN	Hộ sinh ĐH	5	

51	Nguyễn Thị Thuần	Hộ sinh	001136/LCA-CCHN	Hộ sinh ĐH	5	
52	Nguyễn Thị Hồng Vân	Hộ sinh	004398/LCA-CCHN	Hộ sinh CĐ	5	
53	Dương Thị Hà	Hộ sinh	004400/LCA-CCHN	Hộ sinh CĐ	5	
54	Nguyễn Thị Minh Thương	Hộ sinh	002514/LCA-CCHN	Hộ sinh ĐH	5	
55	Lê Thị Minh Huệ	Hộ sinh	003660/LCA-CCHN	Hộ sinh ĐH	5	
Tổng:					275	